

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 199 /SXĐ-ĐT&HT
V/v thông báo kết quả thẩm định
thiết kế BVTC công trình HTKT
Khu Đô thị và Dịch vụ phía Tây thị
trấn Chờ, phân khu A – khu 3 (giai
đoạn 1 - phần HTKT)

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 7 năm 2020

Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư nhà và Thương mại Hưng Ngân.

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư nhà và Thương mại Hưng Ngân tại Tờ trình số 79/2020/TTr-HN đề ngày 09/3/2020 (ngày 08/7/2020 Công ty bổ sung hồ sơ chỉnh sửa, báo cáo thẩm tra tại Trung tâm Hành chính công tỉnh) về việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (BVTC) công trình hạ tầng kỹ thuật (HTKT) thuộc dự án đầu tư xây dựng (ĐT XD) Khu Đô thị và Dịch vụ phía Tây thị trấn Chờ, phân khu A – khu 3 (giai đoạn 1 – phần HTKT);

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án ĐTXD; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/04/2017 về điều chỉnh một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 14/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền sử dụng đất ở dự án xây dựng Khu đô thị và Dịch vụ phía Tây thị trấn Chờ, phân khu A – Khu 3 hoàn trả vốn đối ứng cho dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL286 đoạn từ thị trấn Chờ đến cầu Đò Lo, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng BT, tại xã Yên Phụ, huyện Yên Phong (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt dự án ĐTXD Khu đô thị và Dịch vụ phía Tây thị trấn Chờ, phân khu A – Khu 3 (giai đoạn 1 phần HTKT) để hoàn trả vốn đối ứng cho dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL286 đoạn từ thị trấn Chờ đến cầu Đò Lo, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng BT;

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 157/BC-TTKĐ ngày 17/6/2020 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng và KTXD về việc báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế BVTC công trình HTKT Khu đô thị và Dịch vụ phía Tây thị trấn Chờ, phân khu A – Khu 3 (giai đoạn 1 phần HTKT) để hoàn trả vốn đối ứng cho dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL286 đoạn từ thị trấn Chờ đến cầu Đồ Lo, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng BT, Báo cáo thẩm định ngày 07/7/2020 của phòng PTĐT&HTKT, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế BVTC công trình HTKT Khu đô thị và Dịch vụ phía Tây thị trấn Chờ, phân khu A – Khu 3 (giai đoạn 1 phần HTKT) để hoàn trả vốn đối ứng cho dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL286 đoạn từ thị trấn Chờ đến cầu Đồ Lo, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng BT như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: HTKT Khu đô thị và Dịch vụ phía Tây thị trấn Chờ, phân khu A – Khu 3 (giai đoạn 1 phần HTKT) để hoàn trả vốn đối ứng cho dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL286 đoạn từ thị trấn Chờ đến cầu Đồ Lo, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng BT.

2. Phân loại, nhóm dự án và phân cấp công trình: Công trình HTKT Khu nhà ở, dự án nhóm B, cấp II.

3. Thuộc dự án: ĐTXD Khu đô thị và Dịch vụ phía Tây thị trấn Chờ, phân khu A – Khu 3 (giai đoạn 1 phần HTKT) để hoàn trả vốn đối ứng cho dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL286 đoạn từ thị trấn Chờ đến cầu Đồ Lo, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng BT.

4. Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư nhà và Thương mại Hưng Ngân.

5. Giá trị dự toán xây dựng công trình do chủ đầu tư trình: Chủ đầu tư không trình.

6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của Nhà đầu tư ; vốn huy động và vốn vay của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Yên Phụ và thị trấn Chờ, huyện Yên Phong.

8. Nhà thầu thiết kế bản vẽ thi công, khảo sát địa hình:

- Nhà thầu khảo sát địa hình: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Giao thông Bắc Ninh.

- Nhà thầu khảo sát địa chất: Công ty Liên hiệp khảo sát địa chất - Xử lý nền móng Công trình.

- Nhà thầu thiết kế bản vẽ thi công:

+ Nhà thầu chính: Trung tâm Công nghệ Kỹ thuật hạ tầng và Môi trường đô thị.

+ Nhà thầu phụ: Văn phòng Tư vấn và Chuyển giao công nghệ xây dựng.

9. Tổ chức quản lý vận hành công trình, dự án sau đầu tư: Toàn bộ đất quảng trường, đất cây xanh, đất mặt nước, đất hạ tầng kỹ thuật (đất giao thông,

rãnh thoát nước) sẽ được bàn giao tài sản, quyền quản lý cho chính quyền địa phương không kèm theo nghĩa vụ tài chính của bên nhận;

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định.

- Quyết định số 3115/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu đô thị và Dịch vụ phía Tây thị trấn Chờ - phân khu A, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;

- Quyết định số 319/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt dự án ĐTXD Khu đô thị và Dịch vụ phía Tây thị trấn Chờ, phân khu A – Khu 3 (giai đoạn 1 phần HTKT) để hoàn trả vốn đối ứng cho dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL286 đoạn từ thị trấn Chờ đến cầu Đò Lo, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng BT;

- Biên bản họp ngày 03/3/2020 giữa các Sở, Ngành và địa phương về việc rà soát, xác định quỹ đất đối ứng dự án Khu đô thị phía Tây thị trấn Chờ để hoàn trả vốn đối ứng cho dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL286 đoạn từ thị trấn Chờ đến cầu Đò Lo, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng BT;

- Văn bản số 329/STNMT-CCQLĐĐ ngày 13/3/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc giao quỹ đất thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư nhà và thương mại Hưng Ngân;

- Tờ trình số 113-TTr/BCS ngày 19/3/2020 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Bắc Ninh xin ý kiến về việc giao quỹ đất để thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư nhà và Thương mại Hưng Ngân;

- Văn bản số 930/UBND-TNMT ngày 26/3/2020 Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc giao đất để thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư nhà và thương mại Hưng Ngân;

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 167/TD-PCCC ngày 30/3/2020 của phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bắc Ninh;

- Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền sử dụng đất ở dự án xây dựng Khu đô thị và Dịch vụ phía Tây thị trấn Chờ, phân khu A – Khu 3 hoàn trả vốn đối ứng cho dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL286 đoạn từ thị trấn Chờ đến cầu Đò Lo, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng BT, tại xã Yên Phụ, huyện Yên Phong (đợt 1);

- Hồ sơ thiết kế BVTC (thuyết minh + tập bản vẽ đã đóng dấu thẩm tra);

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, chứng chỉ hành nghề của các cá nhân tham gia thiết kế BVTC, lập dự toán thẩm tra thiết kế BVTC – dự toán và khảo sát.

- Giấy phép hoạt động Điện lực số 64/GP-ĐTĐL ngày 13/4/2016 của Cục trưởng Cục Điều tiết Điện lực ;

2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng.

- QCVN số 07:2016/BXD - Quy chuẩn Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- QCVN 41: 2016/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- QCVN 06: 2020/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

- TCXDVN 104: 2007 - Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 4054: 2005 - Đường ô tô - yêu cầu thiết kế;

- TCVN 4447: 2012 - Công tác đất - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu;

- TCVN 5573: 2011 - Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép, Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5574: 2012 - Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và BTCT;

- TCVN 7957: 2008 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9113: 2012 - Tiêu chuẩn ống BTCT thoát nước;

- TCXDVN 33: 2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 7957: 2008 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài. Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCXDVN 333: 2005 - Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và HTKT - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành khác có liên quan.

3. Giải pháp thiết kế chủ yếu.

HTKT được ĐTXD trên khu đất có diện tích khoảng 227.868 m² tại xã Yên Phụ bao gồm: San nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải, cống cấp kỹ thuật, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, vườn hoa, cây xanh và hồ nước với các giải pháp thiết kế chính như sau:

a) San nền: San nền bằng cát đen; các khu vườn hoa, cây xanh đắp đất tận dụng từ vét hữu cơ nền đường, đào hồ, kênh mương; cao độ san nền hoàn thiện thấp hơn trung bình 20cm so với cao độ hoàn thiện hè đường xung quanh, san nền đảm bảo đầm chặt $K \geq 0,85$.

b) Giao thông:

- Mặt bằng các tuyến đường được thiết kế phù hợp với bản vẽ quy hoạch chi tiết được Sở Xây dựng Bắc Ninh phê duyệt tại Quyết định số 340/QĐ-SXD ngày 20/11/2015. Cao độ mặt đường không chế theo cao độ các điểm giao cắt với các tuyến đường hiện có tiếp giáp với dự án.

- Đường giao thông có 06 mặt cắt ngang điển hình:

+ Mặt cắt ngang 1-1: $4,50+7,00+4,50 = 16,00\text{m}$.

+ Mặt cắt ngang 1*-1*: $3,00+7,00+6,00 = 16,00\text{m}$.

+ Mặt cắt ngang 2*-2*: $4,00+7,00+5,00 = 16,00\text{m}$.

+ Mặt cắt ngang 2-2: $5,00+10,50+5,00 = 20,50\text{m}$.

+ Mặt cắt ngang 3-3: $6,00+12,00+6,00 = 24,00\text{m}$.

+ Mặt cắt ngang 4-4: $8,00+10,50+5,00+10,50+8,00 = 42,00\text{m}$.

- Bán kính bó vỉa tại các ngã giao nhau: $R \geq 9,0 \text{ m}$.

- Độ dốc ngang mặt đường: $i = 2,0\%$.

- Độ dốc ngang mặt hè: $i = 1,5\%$.

- Nền đường: Bóc hữu cơ trung bình khoảng 0,3m (cụ thể theo mặt cắt hồ khoan) trong phạm vi toàn bộ lòng đường và từ lòng đường rộng ra mỗi bên hè đường khoảng 0,5m, sau đó đắp cát đến cao độ đáy áo đường với hệ số đầm chặt $\geq 0,95$, lớp trên cùng cùng đầm chặt $K \geq 0,98$ dày 30cm;

- Kết cấu mặt đường cấp cao A1, mặt đường bê tông nhựa (BTN) rải nóng, gồm 2 loại:

+ Đối với các tuyến đường có mặt cắt 2-2, 3-3, 4-4: Tải trọng trục tính toán $Q = 12\text{T/trục}$, $Ey/c \geq 155 \text{ Mpa}$, gồm các lớp sau: Lớp BTN hạt mịn (BTN chặt 9,5) dày 5cm; lớp BTN hạt thô (BTN chặt 19) dày 7cm; lớp móng trên bằng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại II dày 30cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn trước khi thi công các lớp BTN mặt đường (tưới $0,5\text{kg/m}^2$ trước khi rải lớp BTN hạt mịn; tưới $1,0\text{kg/m}^2$ trước khi rải lớp BTN hạt thô); lớp đáy áo đường dùng cấp phối đá dăm loại II dày 10cm đầm chặt (lớp chuyển tiếp), Eo đáy áo đường yêu cầu $\geq 45\text{Mpa}$;

+ Đối với các tuyến đường có mặt cắt 1-1, 1*-1*, 2*-2*: Tải trọng trục tính toán $Q = 10\text{T/trục}$, $Ey/c \geq 120 \text{ Mpa}$, gồm các lớp sau: Lớp BTN hạt mịn (BTN chặt 9,5) dày 5cm; lớp BTN hạt thô (BTN chặt 19) dày 5cm; lớp móng trên bằng cấp phối đá dăm loại I dày 15cm; lớp móng dưới bằng cấp phối đá dăm loại II dày 20cm; tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn trước khi thi công các lớp BTN mặt đường (tưới $0,5\text{kg/m}^2$ trước khi rải lớp BTN hạt mịn; tưới $1,0\text{kg/m}^2$ trước khi rải lớp BTN hạt thô); lớp đáy áo đường dùng cấp phối đá dăm loại II dày 10cm đầm chặt (lớp chuyển tiếp), Eo đáy áo đường yêu cầu $\geq 45\text{Mpa}$;

- Mặt hè lát gạch Block dưới là lớp cát đen gia cố xi măng 6% dày 10cm;

- Phân cách giữa lòng đường và hè đường bằng tấm bó vỉa vát bê tông xi măng đúc sẵn mác 200# kích thước 26x18cm; đan rãnh bằng bê tông xi măng mác 200# kích thước 30x50x5cm theo kiểu răng cưa thu nước mặt vào các hố ga thu nước;

- Tổ chức giao thông: Thiết kế hệ thống biển báo, vạch sơn kẻ đường theo quy chuẩn QCVN 41:2016/BGTVT.

c) Hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước cấp cho dự án được lấy từ hệ thống cấp nước sạch tập trung của khu vực (Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Bắc Ninh đã thoả thuận tại văn bản số 318/TTN-KHKT ngày 06/7/2016), mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế theo kiểu mạng vòng kết hợp mạng cụt;

- Mạng phân phối và dịch vụ bao gồm các tuyến ống có đường kính D40÷D250, vật liệu ống sử dụng là ống HDPE PN8. Trên tuyến ống có đường kính $\geq$ D110 lắp đặt các trụ cứu hỏa đảm bảo theo quy định.

d) Hệ thống thoát nước mưa: Nước mưa được thu gom bằng các máng thu, ga thu rồi đổ vào hệ thống cống tròn BTCT D600÷D1500 (cống dọc trên hè tải trọng A, cống qua đường tải trọng C) sau đó thoát vào hệ thống kênh hoàn trả nằm trong dự án; hố ga bằng BTCT, bê tông mác 200#, nắp hố ga bằng composite.

e) Hệ thống thu gom nước thải: Nước thải từ các hộ dân được xử lý qua hệ thống bể tự hoại, thu gom bằng hệ rãnh B400 đặt phía sau các lô đất ở, sau đó đổ vào hệ thống cống BTCT D400 (cống trên hè tải trọng A, cống dưới lòng đường tải trọng C); hố ga bằng BTCT, bê tông mác 200#, nắp hố ga bằng composite; rãnh B400 xây bằng gạch bê tông xi măng mác 100#, vữa xi măng mác 75#, nắp đậy bằng tấm đan BTCT, bê tông mác 200#, thành trát vữa xi măng mác 75#.

f) Hệ thống hào, cống cáp kỹ thuật:

- Đối với tuyến đường từ nút N3 đến N17 bố trí một bên hè là hào kỹ thuật kích thước (bxh) 60x80cm bằng BTCT, bên hè còn lại và các tuyến đường còn lại sử dụng ống HDPE gân xoắn D65/50 ÷ D160/125 chịu lực để đi ngầm các tuyến đường dây và để chờ đầu nối ra các tuyến đường xung quanh của khu vực dự án; tại các vị trí qua đường sử dụng tấm đan giảm tải bảo vệ ống; trước các dây nhà để chờ các ống bằng nhựa gân xoắn chịu lực D40/30 để luồn hệ thống đường dây ngầm đến từng hộ sử dụng dịch vụ (cấp điện, viễn thông);

- Hố ga hào, cống cáp kỹ thuật kích thước thông thủy tối thiểu 100x200cm, xây bằng gạch đặc bê tông xi măng mác 100#, vữa xi măng mác 75#, nắp đậy bằng tấm đan BTCT, bê tông mác 200#, thành trát vữa xi măng mác 75#.

g) Hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

- Nguồn cấp điện: Được đầu nối vào tuyến đường điện trung thế gần dự án;

- Hệ thống cáp điện hạ thế được thiết kế đi ngầm từ TBA đến các tủ điện, mỗi tủ cáp điện cho từ 6 đến 12 hộ dân. Cáp sử dụng loại cáp ngầm, cách điện bằng lớp XLPE và bảo vệ cơ học bằng lớp DSTA, có chống thấm dọc, cáp được sản xuất theo tiêu chuẩn IEC;

- Hệ thống chiếu sáng: Đối với các tuyến đường có chiều rộng lòng đường $\geq 10,5\text{m}$ sử dụng cột thép bát giác côn liền cần cao 12m, bóng đèn Led công suất 150W, ánh sáng vàng; đối với các tuyến đường có chiều rộng lòng đường 7,0m sử dụng cột thép bát giác côn liền cần cao 8m, bóng đèn Led công suất 150W, ánh sáng vàng, khoảng cách giữa các cột đèn 30-35m;

- Toàn bộ hệ thống chiếu sáng dùng cáp ngầm lõi đồng loại 3 pha 4 dây 380/220V, lắp ngầm trong hào hoặc cống cáp kỹ thuật và ống nhựa HDPE gân xoắn chịu lực; dùng dây Cu/PVC/PVC 2x1,5mm² nối lên đèn;

- Thiết bị điều khiển hệ thống chiếu sáng được điều khiển tự động;

- Tiếp địa: Tất cả các cột đèn chiếu sáng, tủ điện đều được lắp đặt tiếp địa đồng bộ.

h) Cây xanh: Trồng cây xanh bóng mát, cây lấy gỗ, sử dụng các cây (Giáng Hương, Long Nảo, Trò Chi, Lát Xoan, Dầu nước,...) trong hố trồng cây trên hè đường và vườn hoa, cây có đường kính từ $\geq 15\text{cm}$, cao $\geq 3,0\text{m}$; trong vườn hoa bố trí kết hợp giữa cây lúp xúp, cây đường viền và thảm cỏ; hố trồng cây và vườn hoa xây bằng gạch chỉ đặc bê tông xi măng mác 100#, vữa xi măng mác 75#.

i) Hồ cảnh quan, kênh tiêu nước: Cao độ đáy khoảng +2,50m, taluy thiết kế độ dốc 1:1,5, được lát đá hộc vữa xi măng mác 100# dày 30cm, dưới là lớp đất á sét dày 30cm đầm chặt $K = 0,9$; từ cao độ khoảng +3,50m trở lên mái kè được lát bằng tấm BTCT đục lỗ để trồng cỏ, tấm có kích thước 40x40x5cm; dọc bờ hồ cảnh quan, kênh tiêu nước có bố trí hệ thống lan can an toàn bằng inox cao 1,3m;

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ BVTC

1. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế, thẩm tra: Nhà thầu tư vấn khảo sát, thiết kế BVTC lập dự toán, thẩm tra có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp theo quy định; các chủ trì khảo sát, thiết kế, thẩm tra có chứng chỉ hành nghề phù hợp với quy mô, loại công trình.

2. Sự phù hợp của thiết kế BVTC với thiết kế cơ sở (TKCS): Giải pháp thiết kế BVTC cơ bản phù hợp với TKCS được Sở Xây dựng thẩm định tại văn bản số 534/SXD-ĐT&HT ngày 10/10/2017; tuy nhiên, không phù hợp về quy mô của thiết kế cơ sở (do cắt giảm diện tích quy mô đất đối ứng của dự án – Quyết định số 254/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế BVTC: Giải pháp thiết kế BVTC cơ bản hợp lý về vị trí, địa điểm xây dựng, khả năng kết nối về hạ tầng.

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình: Thiết kế BVTC áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành; vật liệu xây dựng sử dụng cho công trình là phổ thông, được khai thác ở địa phương đảm bảo tuân thủ quy định về môi trường.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế BVTC với công năng sử dụng, mức độ an toàn của công trình và đảm bảo an toàn cho công trình lân cận: Giải pháp thiết kế cơ bản phù hợp với công năng sử dụng.

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ: Dự án được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy tại văn bản số 167/TD-PCCC ngày 30/3/2020. Dự án được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3115/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2016. Yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư nhà và Thương mại Hưng Ngân tổ chức thực hiện các giải pháp, thiết kế đảm bảo PCCC và bảo vệ môi trường theo quy định, đồng thời báo cáo các cơ quan này về việc giám quy mô sử dụng đất của dự án.

7. Yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa:

- Về cấp nước: Cập nhật hệ thống trụ cứu hoả theo phương án thiết kế được phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Bắc Ninh thẩm duyệt tại Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 167/TD-PCCC ngày 30/3/2020 tương ứng với khu vực thiết kế BVTC; bổ sung thêm các chi tiết hố van; bỏ lớp bê tông lót dưới các gối đỡ; không thiết kế đầu nổi cấp nước đến từng hộ dân;

- Về hào, công cấp kỹ thuật: Điều chỉnh vị trí các hố ga hào, công cấp kỹ thuật vào giữa ranh giới của 2 lô đất ở;

- Về giao thông: Điều chỉnh giảm bề rộng hè bên phải tuyến đường số 86; đổi với khu đô thị đã bố trí vạch sơn, mũi tên thì hạn chế bố trí biển báo người đi bộ qua đường;

- Giảm chiều cao san nền của các lô đất (cao độ san nền các lô đất thấp hơn trung bình 20cm so với cao độ mép hè hoàn thiện);

- Về thoát nước thải: Điều chỉnh tăng khoảng cách bố trí thép đáy ga, thành ga từ D10a150 lên thành D10a200; không thiết kế trát ga BTCT; chưa nhất quán trong thiết kế thang ga (sử dụng thang ga bằng thép D16); điều chỉnh giảm số lượng để cống theo hướng 2 để trên 1 đoạn cống đi trên hè, 3 để trên 1 đoạn cống qua đường; nhất quán trong việc sử dụng phương pháp nổi cống (sử dụng gioăng cao su hay đay tấm nhựa đường), đề nghị điều chỉnh sử dụng nổi cống bằng gioăng cao su; điều chỉnh rãnh thoát nước thải sau nhà từ BTCT sang sử dụng rãnh xây gạch bê tông xi măng mác 100#, vữa mác 75#;

- Thoát nước mưa: Điều chỉnh tăng khoảng cách bố trí thép đáy ga, thành ga từ D10a150 lên thành D10a200; không thiết kế trát ga BTCT; điều chỉnh bỏ lớp đệm đá dăm dưới để cống thoát nước mưa; điều chỉnh giảm số lượng để cống theo hướng 2 để trên 1 đoạn cống đi trên hè, 3 để trên 1 đoạn cống qua

đường; điều chỉnh tăng đường kính thoát nước mưa qua đường lên D600; không sử dụng hố thu nước loại 2, chuyển sang sử dụng máng thu nước kết hợp với ga thăm; bổ sung vị trí áp dụng các loại hố ga thu nước; giải pháp đấu cống thoát nước đầu nổi thẳng vào cống hộp là chưa phù hợp;

- Bổ sung thỏa thuận phương án hoàn trả hệ thống kênh tiêu thoát nước trong phạm vi dự án với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; bổ sung kết nối hồ với kênh tiêu hiện trạng;

- Bổ sung thỏa thuận điểm đấu nối cấp điện, công suất, giải pháp cấp điện với Công ty Điện lực Bắc Ninh làm cơ sở thiết kế cho phù hợp; bổ sung thuyết minh tính toán lựa chọn cấp điện hạ thế và chiếu sáng; điều chỉnh cột đèn chiếu sáng từ cao 9m bóng đèn 125W thành cao 8m bóng đèn 150W, cao 12m bóng đèn 125W thành bóng đèn 150W;

- Hào, cống cấp kỹ thuật: Bỏ lớp đệm cát đen dưới bê tông lót hào kỹ thuật; điều chỉnh lớp bê tông lót hào kỹ thuật từ mác 150# thành mác 100#; điều chỉnh thép thang từ D22 thành D16;

- Chỉnh sửa hồ sơ thiết kế theo các nội dung tồn tại trong Báo cáo thẩm tra số 157/BC-TTKĐ ngày 17/6/2020 của Trung tâm Kiểm định Chất lượng và Kinh tế xây dựng.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Yêu cầu với Chủ đầu tư: Tổ chức chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ thiết kế BVTC và thực hiện các công việc gồm:

- Rà soát trình tự, thủ tục lựa chọn các nhà thầu; bổ sung quy trình bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy định; kiểm tra, nghiệm thu chặt chẽ chất lượng, khối lượng, biện pháp thi công theo quy định;

- Tổ chức thi công xây dựng công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng và tổ chức bàn giao toàn bộ các công trình HTKT (đường giao thông, cây xanh, cấp điện, chiếu sáng, thoát nước, cấp nước, hào kỹ thuật, bãi đỗ xe,...), đất quảng trường, đất cây xanh, đất mặt nước cho chính quyền địa phương tiếp nhận, quản lý vận hành không kèm theo nghĩa vụ tài chính của bên nhận bàn giao;

- Tổ chức chỉnh sửa hồ sơ thiết kế BVTC theo mục 7 phần III; do chủ đầu tư không trình thẩm định dự toán và thiết kế còn một số sai sót như ở trên dẫn đến không có cơ sở thẩm định dự toán thiết kế, Sở Xây dựng yêu cầu chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ thiết kế BVTC, chỉnh sửa hoàn thiện dự toán và trình thẩm định trước ngày 30/7/2020 để đảm bảo thực hiện theo quy định.

2. Kết luận

Sau khi chỉnh sửa, hoàn thiện các nội dung của hồ sơ nêu tại các Mục III, Mục IV của Văn bản này, yêu cầu Chủ đầu tư gửi lại Sở Xây dựng để kiểm tra, đóng dấu thẩm định theo quy định.

Trên đây là thông báo của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định thiết kế BVTC công trình HTKT Khu đô thị và Dịch vụ phía Tây thị trấn Chờ, phân khu A – Khu 3 (giai đoạn 1 phần HTKT) để hoàn trả vốn đối ứng cho dự án ĐTXD cải tạo, nâng cấp TL286 đoạn từ thị trấn Chờ đến cầu Đò Lo, huyện Yên Phong theo hình thức hợp đồng BT, đề nghị chủ đầu tư thực hiện theo quy định./ngt

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- TTHCC tỉnh Bắc Ninh;
- UBND huyện Yên Phong;
- Phòng KTHT huyện Yên Phong;
- GD, các PGĐ Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, QLN, ĐT&HT, Đlx.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiến Tài